

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2025
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.
Bà Dương Thị Kim Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 673/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1993;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Campuchia. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K ngày 19/02/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách khác nhau, không thể hòa hợp được dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung. Khoảng tháng 12 năm 2022 thì anh M đi lao động tại Campuchia, một thời gian sau chị về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng với nhau được nữa. Vì vậy chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Linh A, sinh ngày 01/8/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Phạm Văn Đ (bố đẻ anh M) và bà Ninh Thị D1 (mẹ đẻ anh M) thể hiện: Hiện nay anh M đang lao động tại nước ngoài từ năm 2022, anh M vẫn liên lạc hỏi thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án gia đình đã thông báo cho anh M biết, anh M không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh M có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh M đồng ý để chị D nuôi con chung nhưng phải để cháu sinh sống cùng ông bà nội để đảm bảo việc học hành của cháu. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị D và anh M kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hoàn cảnh gia đình anh M phải đi lao động xa, mỗi người ở một nơi dẫn đến không chia sẻ được với nhau về công việc, tình cảm. Nay chị D có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa: Chị D vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh M vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Thị D ly hôn anh Phạm Văn M; Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Linh A, sinh ngày 01/8/2019. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn M. Anh M đang lao động tại Campuchia. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị D đề nghị xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Phạm Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K ngày 19/02/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách khác nhau, không thể hòa hợp được dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung. Khoảng tháng 12 năm 2022 anh M đi lao động tại Campuchia, một thời gian sau chị D cũng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay cả chị D và anh M đều nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh bởi lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh M có 01 con chung là Phạm Ngọc Linh A, sinh ngày 01/8/2019. Anh M nhất trí để chị D nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho do chị D nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Chị D và anh M xác định không có tài chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị D** ly hôn với anh **Phạm Văn M**.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Ngọc Linh A, sinh ngày 01/8/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị D không yêu cầu anh Phạm Văn M phải cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005416 ngày 12/12/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hiệp Sơn
Thị xã Kinh Môn
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Tân